TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ - ST.
Ngày: 25 - 01 - 2024.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thanh Nguyệt.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 726/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định hoãn phiên tòa số 230/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thanh S**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ D, khu A, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Lê Minh S1**, sinh năm 1987.

Địa chỉ tạm trú: Nhà chủ hộ Nguyễn Văn M, tổ D, khu A, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị S đề nghị giải quyết vắng mặt, anh S1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S1 tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, có những mâu thuẫn, bất đồng mà không

thể giải quyết được. Mặc dù đã nhiều lần hòa giải và được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng chúng tôi vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Nay vợ chồng không còn dành tình cảm cho nhau, mâu thuẫn nghiêm trọng, hạnh phúc gia đình không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị không thể tiếp tục sống chung được với nhau nên chị yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh S1.

Về con chung: Có 02 con chung: Lê Như N, sinh ngày 22/8/2007; Lê Minh K, sinh ngày 07/4/2011; Chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh S1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh S1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hạn giải quyết, thu thập chứng cứ, việc xét xử của Hội đồng xét xử, việc tuân theo pháp luật của Thư ký đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị S và anh S1 kết hôn từ năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nay vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn nghiêm trọng, hạnh phúc gia đình không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung với nhau. Vì vậy, nay chị S yêu cầu Toà án cho ly hôn với anh S1.

Bị đơn anh S1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng như không có cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án. Cho thấy anh S1 không quan tâm, bỏ mặc đời sống hôn nhân với chị S.

Về con chung: Có 02 người con chung: Lê Như N; sinh ngày 22/08/2007; Lê Minh K sinh ngày 07/04/2011. Chị S yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh S1 cấp dưỡng. Về phía cháu N và cháu K đều có nguyện vọng được ở với chị S.

Áp dụng Điều 56, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Giao hai con chung là cháu N và cháu K cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh S1 không trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nguyễn Thanh S khởi kiện đối với anh Lê Minh S1 về yêu cầu ly hôn và nuôi con nên xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện L nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định chị Nguyễn Thanh S là nguyên đơn, anh Lê Minh S1 là bị đơn.

[3] Về tố tụng: Chị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn anh S1 vắng mặt nên căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị S, anh S1.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh S1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2006 trên cơ sở tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn nên đã sống ly thân. Xét việc anh S1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là thể hiện anh S1 không còn quan tâm đến hôn nhân với chị S nữa. Như vậy, giữa anh chị không còn tình cảm vợ chồng, không thể hàn gắn, đoàn tụ được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu ly hôn của chị S là có căn cứ chấp nhận, cho ly hôn giữa chị S và anh S1.

[5] Về con chung: Có 02 con chung: Lê Như N, sinh ngày 22/8/2007; Lê Minh K, sinh ngày 07/4/2011. Chị S yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh S1 cấp dưỡng nuôi con. Cháu N và cháu K đang sống với chị S và đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị S. Anh S1 cũng không nộp ý kiến, yêu cầu về con chung. Nhằm ổn định cuộc sống của con chung nên giao 02 con chung cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh S1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh S1 không gửi yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị S khai không có, còn anh S1 không gửi yêu cầu gì cho Tòa án và theo kết quả xác minh tại địa phương thì trong thời kỳ hôn nhân của anh chị không có ai tranh chấp với anh chị về nghĩa vụ tài sản nên không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[10] Đối với ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 131, 56, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh S về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với anh Lê Minh S1, cho ly hôn giữa chị S và anh S1.

Về con chung: 02 con chung: Lê Như N, sinh ngày 22/8/2007; Lê Minh K, sinh ngày 07/4/2011, giao cháu N và cháu K cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh S1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh S1 được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

Về án phí: Chị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001298 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Chị S đã nộp xong.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- UBND xã Long Đức;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Hoa

Tr